

KẾT QUẢ KINH DOANH

Ngày	8,300 VNĐ		
31/12/2024			
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	-7.8%	-5.7%	-7.8%

DT thuần	2024		
	179	YoY	▲ 16.0
	tỷ VNĐ		▲ 10.3%

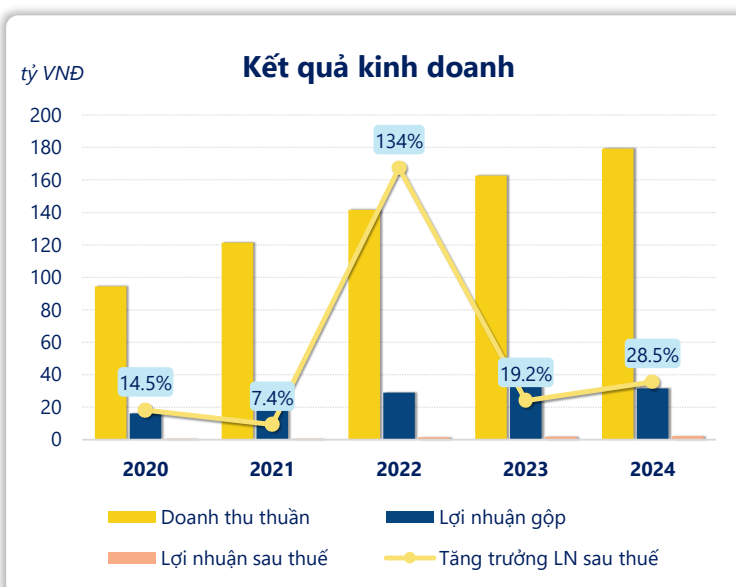
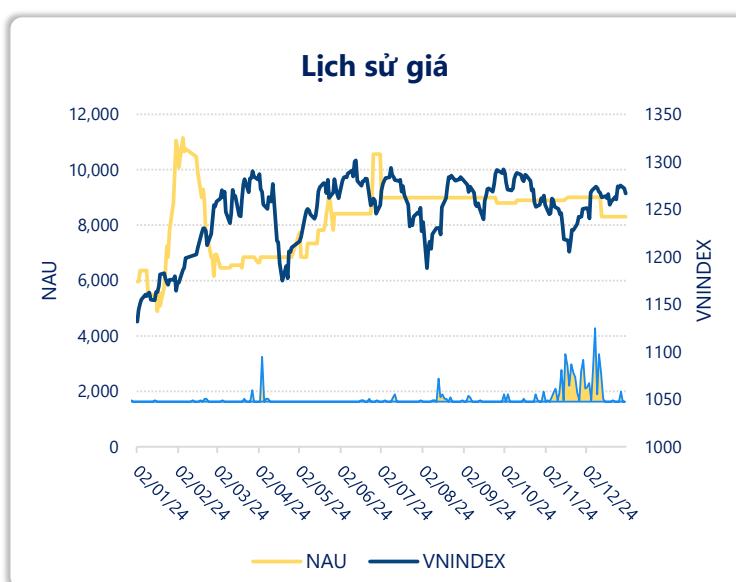
LN góp	2024		
	31.6	YoY	▼ 5.50
	tỷ VNĐ		▼ 15.0%

LN thuần	2024		
	4.41	YoY	▲ 3.09
	tỷ VNĐ		▲ 234%

LN sau thuế	2024		
	2.31	YoY	▲ 0.51
	tỷ VNĐ		▲ 28.5%

ROE	2024		
	5.8%	+/- YoY	▲ 1.2%

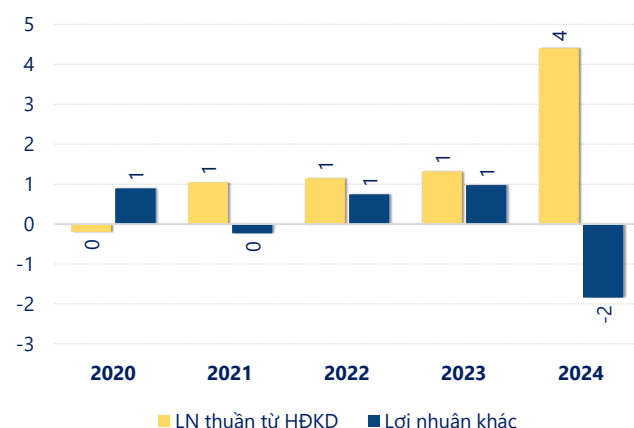
ROA	2024		
	1.0%	+/- YoY	▲ 0.1%



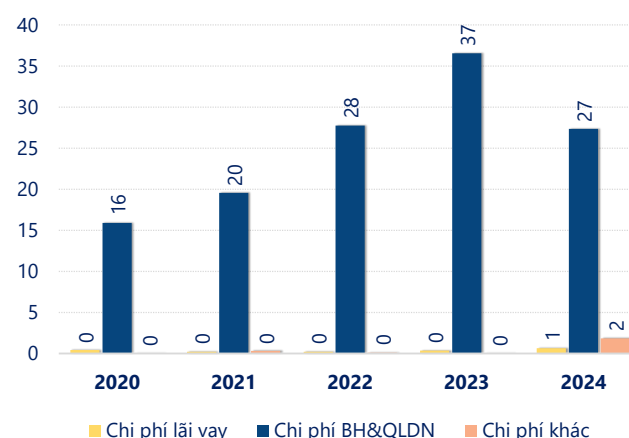
Năm **2024**, **NAU** ghi nhận doanh thu thuần **179.4** tỷ đồng và lợi nhuận sau thuế **2.31** tỷ đồng, lần lượt **tăng 10.3%** và **tăng 28.5%** so với năm trước.

Công ty có sự tăng trưởng về doanh thu và lợi nhuận, với **ROE** đạt **5.85%**. Là một tín hiệu tích cực về hoạt động kinh doanh, tuy nhiên công ty cần cải thiện hiệu quả hoạt động tốt hơn.

tỷ VNĐ

Cơ cấu lợi nhuận

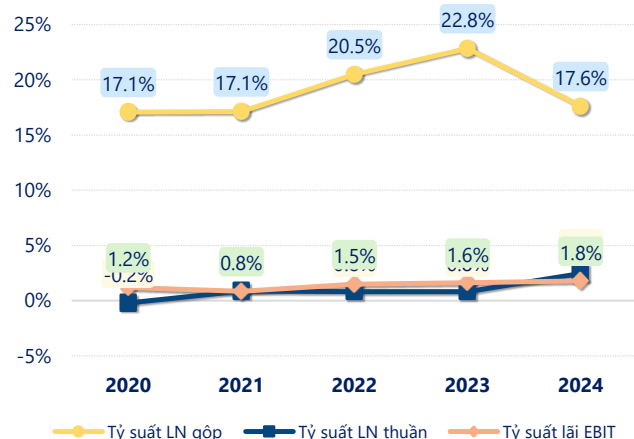
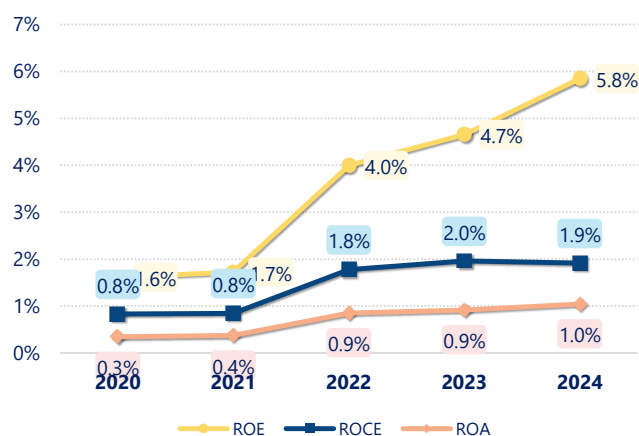
tỷ VNĐ

Cơ cấu chi phí

Năm **2024**, **NAU** có **lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh** đạt **4.41** tỷ đồng, **tăng lên 3.09** tỷ so với năm trước. Và cao hơn mức bình quân lợi nhuận thuần 5 năm (1.54 tỷ đồng) là 2.86 tỷ đồng. Cho thấy xu hướng tích cực từ hoạt động kinh doanh khi có sự phục hồi trong những năm gần đây.

Chi phí lãi vay tăng lên so với năm trước, ở mức **0.64** tỷ đồng. Nhưng **chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp giảm** xuống còn **27.33** tỷ đồng. Bên cạnh đó, **chi phí khác bằng 1.84** tỷ đồng, **tăng lên** so với năm trước.

ROE của NAU năm 2024 **tăng trưởng** so với năm trước đạt giá trị bằng **5.85%**, đây là mức ROE **cao nhất** trong vòng 5 năm gần đây.

Tỷ suất lợi nhuận**Tỷ suất sinh lợi**

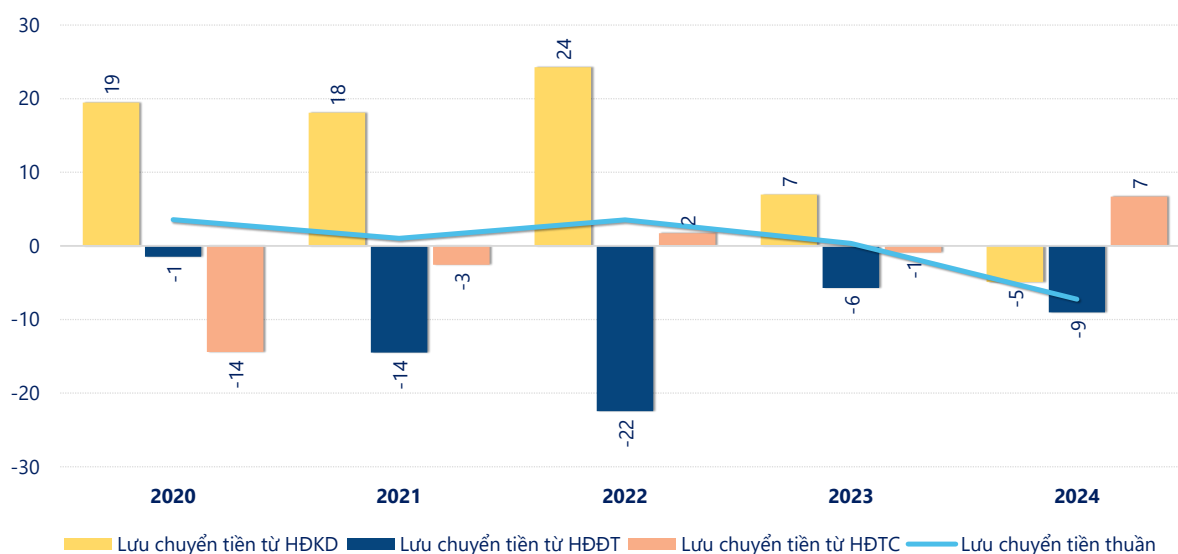
KẾT QUẢ KINH DOANH

(tỷ VNĐ)

	2020	2021	2022	2023	2024
Doanh thu thuần	94.5	121	141	163	179
Giá vốn hàng bán	78.4	101	113	125	148
Lợi nhuận gộp	16.1	20.8	29.0	37.1	31.6
Doanh thu HĐTC	0.01	0.01	0.11	1.06	0.80
Chi phí TC	0.43	0.22	0.21	0.35	0.64
Chi phí lãi vay	0.43	0.22	0.21	0.35	0.64
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	0	0	0	0	0.01
Chi phí QLDN	15.9	19.5	27.7	36.5	27.3
LN thuần từ HĐKD	-0.20	1.04	1.14	1.32	4.41
Lợi nhuận khác	0.89	-0.23	0.74	0.97	-1.84
LN trước thuế	0.70	0.81	1.89	2.29	2.57
Lợi nhuận sau thuế	0.60	0.65	1.51	1.80	2.31
LNST của CĐ cty mẹ	0.60	0.65	1.51	1.80	2.31

tỷ VNĐ

Lưu chuyển tiền



Lưu chuyển tiền thuần năm 2024 của NAU bằng **-7.24** tỷ đồng, **giảm** so với năm 2023 (0.33 tỷ đồng). Trong đó, lưu chuyển tiền từ **hoạt động kinh doanh** bằng **-4.90** tỷ đồng, từ **hoạt động đầu tư** là **-9.03** tỷ đồng và từ **hoạt động tài chính** là **6.69** tỷ đồng.